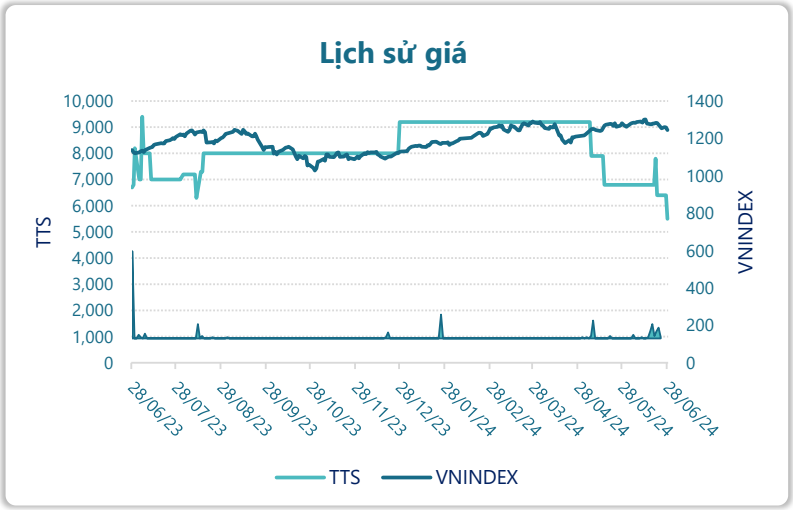
FireAnt

CTCP Cán thép Thái Trung (UPCOM: TTS)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,500
SL cổ phiếu LH	50,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	405
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	279
P/E	13.8
EPS	397

DT thuần

Q2/24

1,405

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 189| 15.5%

YoY: ▲ 950| 209%

LN sau thuế

Q2/24

5.39

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.84| 18.4%

YoY: ▲ 15.7| 152%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

1.0%

+/- YoY: ▲ 1.3%

DT thuần

6T 2024

2,620

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 697| 36.2%

LN sau thuế

6T 2024

9.94

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.3| 236%

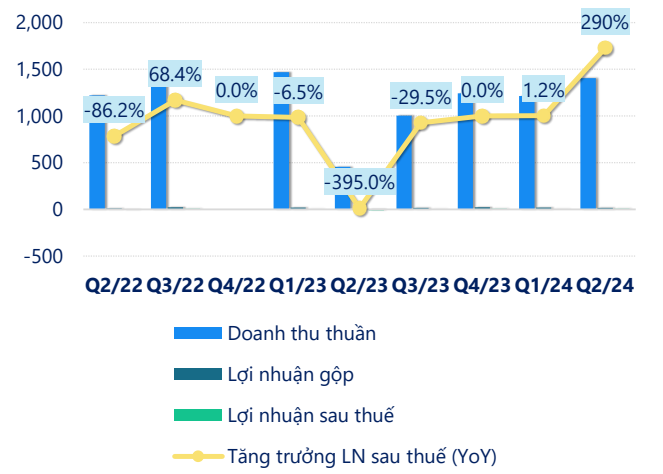
ROE

Q2/24

6.9%

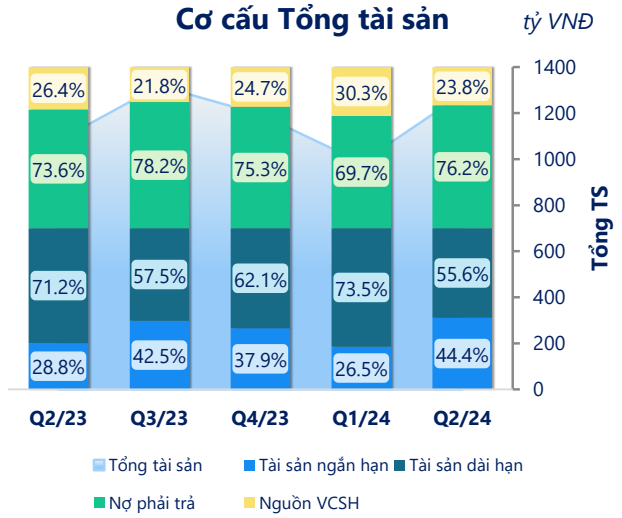
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



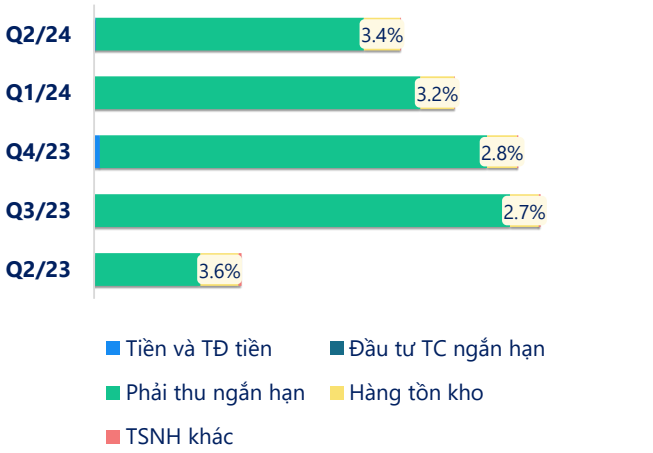
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



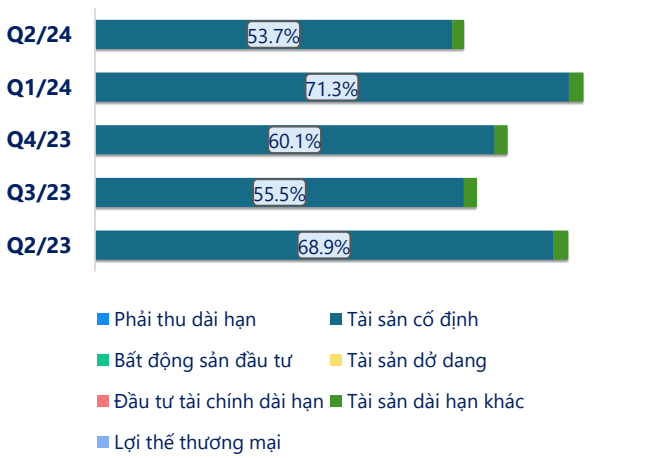
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



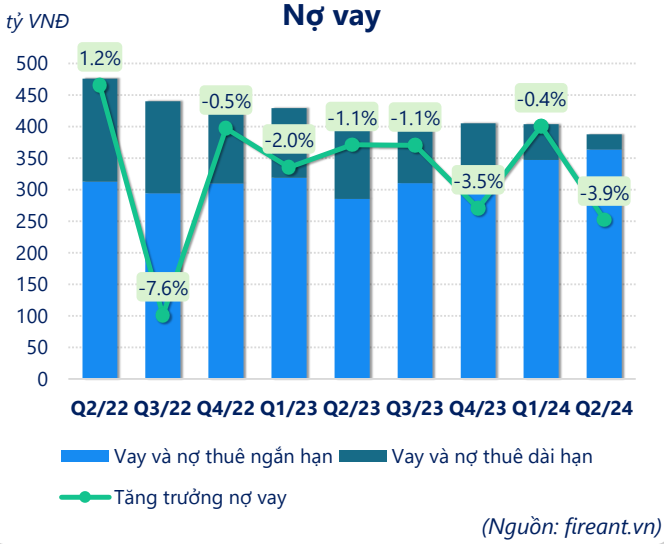
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



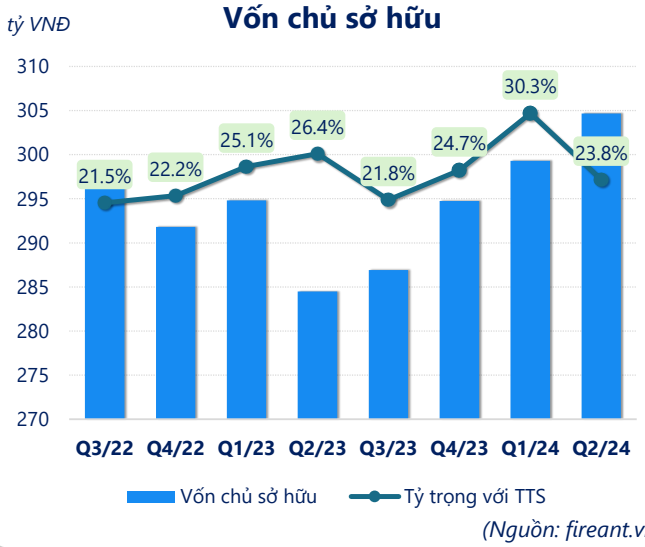
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



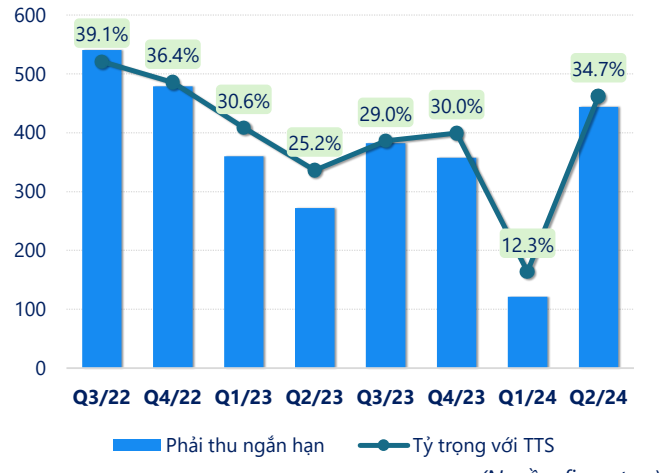
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



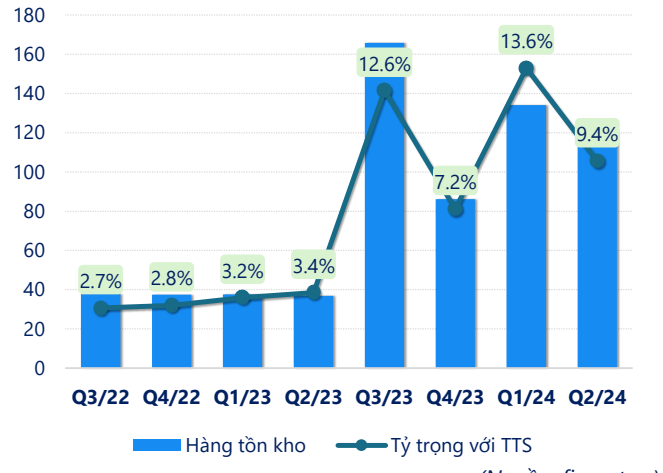
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



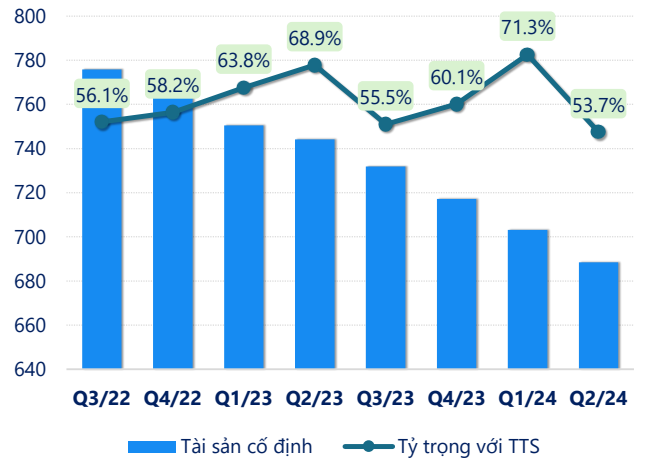
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



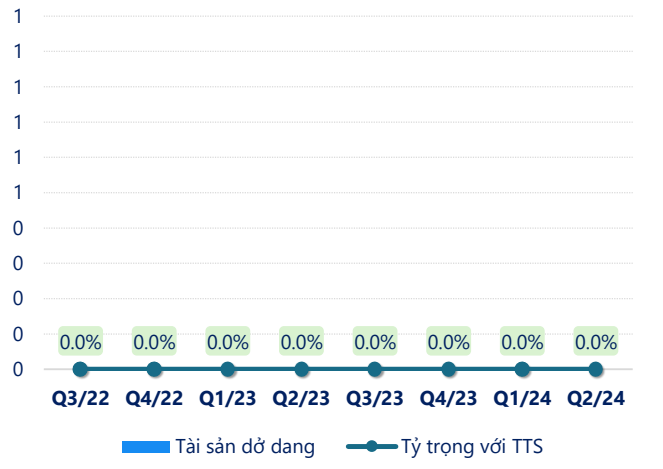
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



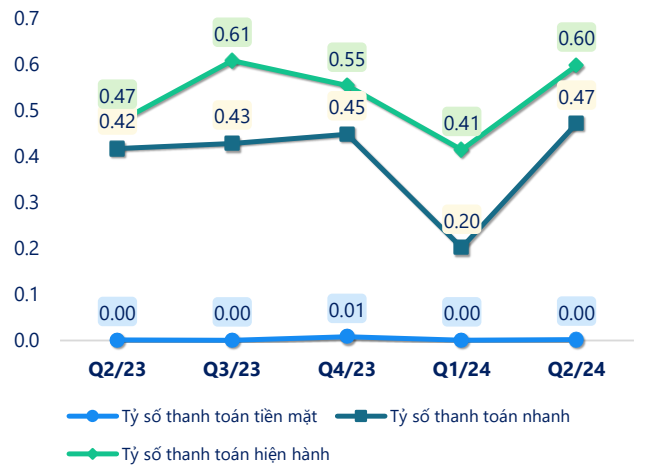
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



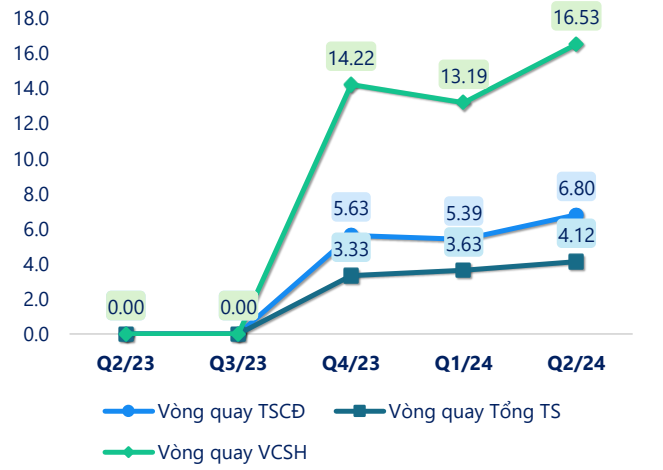
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,080**	**1,318**	**1,193**	**986**	**1,281**
Tài sản ngắn hạn	**311**	**561**	**452**	**261**	**569**
Tiền và tương đương tiền	0.93	0.43	6.64	0.35	2.09
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	272	382	358	121	444
Hàng tồn kho	36.9	166	86.1	134	120
Tài sản ngắn hạn khác	0.85	12.5	1.99	5.66	2.98
Tài sản dài hạn	**769**	**758**	**741**	**725**	**712**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	744	732	717	703	689
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	24.8	25.8	23.9	21.6	23.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**795**	**1,032**	**899**	**687**	**976**
Nợ ngắn hạn	**656**	**922**	**817**	**631**	**952**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	285	310	323	347	363
Phải trả người bán ngắn hạn	356	593	476	269	572
Nợ dài hạn	139	110	82.2	56.2	24.2
Vay và nợ thuê dài hạn	139	110	82.2	56.2	24.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	**284**	**287**	**295**	**299**	**305**
Vốn chủ sở hữu	**284**	**287**	**295**	**299**	**305**
Vốn điều lệ	508	508	508	508	508
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)